

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TẠI XÃ PHÚ MẬU, HUYỆN PHÚ VANG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Nguyễn Văn Bình, Hồ Nhật Linh, Hồ Kiệt
Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

Liên hệ email: nguyenvanbinh@huaf.edu.vn

TÓM TẮT

Cùng với xu thế phát triển chung của nền kinh tế, ngành nông nghiệp của nước ta mấy năm trở lại đây cơ bản đã chuyển sang sản xuất hàng hóa, phát triển tương đối toàn diện. Tuy nhiên, hiện nay diện tích nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp do được chuyển sang các loại hình đất khác như đất ở, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp. Do đó, việc đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp của xã sẽ là căn cứ, cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp nhằm phát huy có hiệu quả tiềm năng đất nông nghiệp. Nghiên cứu đã tiến hành điều tra 50 hộ thông qua phương pháp sử dụng các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng đất. Kết quả nghiên cứu cho thấy, Phú Mậu là xã có điều kiện thuận lợi cho việc sản xuất nông nghiệp, quỹ đất nông nghiệp còn khá lớn, chất lượng đất tốt. Đất sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn trong đất nông nghiệp. Tổng diện tích đất nông nghiệp là 443,69 ha, chiếm 99,73% tổng diện tích đất nông nghiệp toàn xã Phú Mậu, trong đó: đất trồng cây hàng năm với diện tích lớn nhất là 391,37 ha. Loại hình sử dụng đất trồng hoa cúc mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất (GO, VA, VA/IC), thấp nhất là loại hình sử dụng đất trồng lúa. Loại hình sản xuất mang lại hiệu quả xã hội cao nhất là trồng hoa cúc (567,52 nghìn đồng/ngày) và thấp nhất là trồng lúa (195,27 nghìn đồng/ngày). Hiệu quả môi trường cao nhất là loại hình sử dụng đất trồng hoa và thấp nhất là loại hình trồng lúa. Các loại hình sử dụng đất trên địa bàn xã đã góp phần nâng cao thu nhập, xóa đói giảm nghèo cho người dân

Từ khóa: cây lúa, dưa hấu, đất sản xuất nông nghiệp, hiệu quả sử dụng đất, hoa cúc, rau màu

Nhận bài: 29/03/2018

Hoàn thành phản biện: 17/05/2018

Chấp nhận bài: 30/05/2018

1. MỞ ĐẦU

Việt Nam có chỗ dựa vững chắc là nông nghiệp để có thể vượt qua mọi cuộc khủng hoảng. Nếu kích thích cho nông nghiệp phát triển sẽ không chỉ đảm bảo kinh tế phát triển mà còn ổn định an ninh xã hội. Để đảm bảo phát triển bền vững phải tiến hành song song việc công nghiệp hoá và đô thị hoá cả ở thành thị lẫn nông thôn, trong đó công nghiệp hoá nông nghiệp và nông thôn phải thích hợp với điều kiện đất ít người đông (Nguyễn Văn Bộ và Đào Thế Anh, 2010).

Xã hội càng phát triển, dân số tăng nhanh kéo theo những đòi hỏi ngày càng tăng về lương thực thực phẩm, chỗ ở cũng như các nhu cầu về văn hóa, xã hội. Con người đã tìm mọi cách để khai thác đất đai nhằm thỏa mãn những nhu cầu ngày càng tăng đó. Như vậy đất đai, đặc biệt là đất nông nghiệp có hạn về diện tích, nhưng lại có nguy cơ bị suy thoái dưới tác động của thiên nhiên và sự thiếu ý thức của con người trong quá trình sản xuất. Đó còn chưa kể đến sự suy giảm về diện tích đất nông nghiệp do quá trình đô thị hóa đang diễn ra mạnh mẽ, trong khi khả năng khai hoang mở rộng diện tích lại rất hạn chế (Nguyễn Văn Bình, 2016).

Phú Mậu là xã thuộc huyện Phú Vang nằm ở vùng ven thành phố, chịu sự tác động của quá trình đô thị hóa và nhu cầu phát triển kinh tế xã hội mạnh mẽ. Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên địa bàn xã đang từng bước đi vào chiều sâu và được khẳng định vai trò trong sự phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tuy nhiên, vẫn mang nặng tính truyền thống trong sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu cây trồng còn mang tính tự phát chưa có các phương án quy hoạch nên chưa phát huy hết tiềm năng của xã. Do đó, việc đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp của xã sẽ là căn cứ, cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp nhằm phát huy có hiệu quả tiềm năng đất nông nghiệp trên địa bàn xã Phú Mậu.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu thập số liệu

2.1.1. Thu thập số liệu sơ cấp

Để hiểu khách quan hơn về các loại hình sử dụng đất, bài báo đã sử dụng bộ câu hỏi có sẵn tiến hành điều tra phỏng vấn bán cấu trúc, phỏng vấn cấu trúc các nhóm hộ sử dụng đất. Điều tra tình hình sử dụng đất, các loại hình sử dụng đất, hiệu quả sử dụng đất, các thông tin liên quan. Các nhóm hộ được chọn là những hộ sản xuất nông nghiệp, các hộ được chọn ngẫu nhiên tại điểm nghiên cứu với việc chọn phỏng vấn 50 hộ gia đình tham gia sản xuất nông nghiệp.

2.2.2. Thu thập số liệu thứ cấp

Thu thập các tài liệu có liên quan đến điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, tình hình quản lý và sử dụng đất, các tài liệu liên quan đến đề tài khác. Các tài liệu này được thu thập tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Phú Vang, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Phú Vang, UBND xã Phú Mậu.

2.2. Phương pháp xử lý số liệu

Các số liệu điều tra và thu thập được xử lý trên máy tính bằng phần mềm Microsoft Office Excel.

2.3. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng đất

2.3.1. Các chỉ tiêu hiệu quả về mặt kinh tế:

- Giá trị sản xuất (GO): là toàn bộ giá trị sản xuất và dịch vụ được tạo ra trong một thời gian nhất định (thường là một năm). Trong sản xuất của nông hộ, giá trị sản xuất là giá trị các loại sản phẩm chính, sản phẩm phụ sản xuất ra trong năm.

- Chi phí trung gian (IC): là toàn bộ các khoản chi phí thường xuyên về vật chất (không kể khấu hao) và dịch vụ được sử dụng trong quá trình sản xuất ra sản phẩm trong một thời kỳ nhất định. Trong nông nghiệp, chi phí trung gian gồm chi phí giống, phân bón, thuốc trừ sâu, dịch vụ làm đất, thủy lợi, bảo vệ thực vật.

- Giá trị gia tăng (VA): là hiệu số giữa giá trị sản xuất (GO) và chi phí trung gian (IC), là giá trị sản phẩm xã hội được tạo ra thêm trong thời kỳ sản xuất đó: $VA = GO - IC$.

- Hiệu quả kinh tế trên một đơn vị chi phí: Là phần thu nhập thuần và lợi nhuận của người sản xuất mang lại trong năm hoặc một thời kỳ trên một đơn vị chi phí bỏ ra của người sử dụng đất, theo công thức: $\text{Thu nhập} = GO/\text{Tổng chi phí}$; $\text{Lợi nhuận} = VA/\text{Tổng chi phí}$.

- Tỷ suất hoàn vốn (VA/IC): là tỷ số giữa giá trị gia tăng (VA) và chi phí trung gian (IC). Chỉ tiêu này cho biết một đồng chi phí bỏ ra sẽ thu được bao nhiêu đồng chi phí tăng thêm.

- Tỷ suất GO/IC: chỉ tiêu này cho biết một đồng chi phí trung gian bỏ ra sẽ thu được bao nhiêu đồng chi phí sản xuất.

- Tỷ suất VA/LĐ: Chỉ tiêu này cho biết một ngày công lao động tạo ra bao nhiêu đồng giá trị tăng thêm.

- Các chỉ tiêu phân tích được đánh giá định lượng (giá trị) bằng tiền theo thời giá hiện hành và định tính (phân cấp) được tính bằng mức độ cao, thấp. Các chỉ tiêu đạt mức càng cao thì hiệu quả kinh tế càng lớn.

3.3.2. Các chỉ tiêu hiệu quả về mặt xã hội:

- Giá trị ngày công

- Thu hút lao động và khả năng giải quyết việc làm.

3.3.3. Các chỉ tiêu hiệu quả về môi trường:

- Mức đầu tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Khái quát khu vực nghiên cứu

Phú Mậu là xã đồng bằng thấp trũng, trải dài theo dòng sông Hương và sông Bồ Lợi, hàng năm chịu trực tiếp của bão lụt, cách trung tâm huyện lỵ Phú Vang 20 km về phía Tây và cách trung tâm thành phố Huế 5 km về phía Đông Nam.

Toàn xã Phú Mậu có 8 thôn hoạt động theo khu dân cư để tiện quản lý, sinh hoạt. Trong đó có 7 thôn sinh sống bằng dịch vụ, ngành nghề, nông nghiệp, trồng trọt và chăn nuôi, còn 1 thôn sống bằng ngư nghiệp và khai thác cát sạn (tiếp nhận nhân dân từ vạt đò thành phố Huế về định cư).

Xã Phú Mậu nằm trong địa hình đồng bằng ven biển, khá bằng phẳng, địa hình thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp và xây dựng. Hướng dốc chính từ Nam lên Bắc, về phía sông Hương, độ dốc địa hình < 1%. Cao độ địa hình phổ biến 0,8 - 1,5 m so với mực nước biển. Có những vùng gò cao 2 - 2,5 m, thường là vùng nghĩa trang, nghĩa địa bao quanh các các điểm dân cư trong vùng. Do địa hình thấp, trũng nên xã Phú Mậu thường xuyên bị úng ngập, lụt lội, bị chia cắt và cô lập vào mùa mưa bão.

3.2. Thực trạng sử dụng đất nông nghiệp của xã Phú Mậu

3.2.1. Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp năm 2016

Bảng 1. Diện tích, cơ cấu đất nông nghiệp năm 2016

STT	Mục đích sử dụng đất	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
Tổng diện tích đất nông nghiệp		444,88	100,00
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	443,68	99,73
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	391,36	87,97
1.1.1.1	Đất trồng lúa	354,39	79,66
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	36,97	8,31
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	52,32	11,76
1.2	Đất nuôi trồng thủy sản	1,20	0,27

Số liệu Bảng 1 cho thấy, đất sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn trong đất nông nghiệp. Trong đó: Đất trồng cây hàng năm với diện tích lớn nhất là 391,36 ha chiếm 88,21% tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp toàn xã. Thấp nhất là đất nuôi trồng thủy sản chiếm 0,27% tổng diện tích đất nông nghiệp. Các loại thủy sản được nuôi trồng của xã chủ yếu là cá nước ngọt như: Cá Trê, cá rô Phi, cá Chim.

3.2.2. Biến động đất nông nghiệp giai đoạn 2014 - 2016

Bảng 2. Biến động diện tích đất nông nghiệp giai đoạn 2014 - 2016

DVT: ha

STT	Mục đích sử dụng	Diện tích năm 2016	So với năm 2014	
			Diện tích năm 2014	Tăng(+) giảm(-)
Tổng diện tích đất nông nghiệp		444,88	446,38	-1,50
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	443,68	445,17	-1,49
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	391,36	392,85	-1,49
1.1.1.1	Đất trồng lúa	354,39	355,21	-0,82
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	36,97	37,64	-0,67
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	52,32	52,32	0,00
1.2	Đất nuôi trồng thủy sản	1,20	1,20	0,00

Bảng 2 cho thấy trong khoảng thời gian từ năm 2014 – 2016, diện tích đất nông nghiệp của xã có sự biến động. Cụ thể: Năm 2014 diện tích đất nông nghiệp của xã là 446,38 ha, đến năm 2016 là 444,88 ha, giảm 1,50 ha (trong đó đất sản xuất nông nghiệp giảm với 1,48 ha). Trong giai đoạn này, diện tích trồng cây hàng năm cũng giảm 1,49 ha, đất trồng lúa giảm 0,82 ha và đất trồng cây hàng năm khác giảm 0,67 ha.

Nguyên nhân của sự biến động là một số phần diện tích đất này chuyển sang đất phi nông nghiệp để làm nhà ở, đường giao thông cũng như làm các công trình công cộng khác.

3.3. Các loại hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp chính của xã Phú Mậu

Xã Phú Mậu là địa bàn có truyền thống sản xuất nông nghiệp, nhân dân cần cù lao động, cho nên các loại hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp cũng mang những đặc điểm của vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh. Trên địa bàn có nhiều cây trồng nông nghiệp, nhưng một số cây trồng chủ yếu là lúa, rau, hoa cúc, ... với quy mô gia đình và sau đây là những cây trồng chủ lực trong xã mang lại thu nhập cho người dân.

Loại hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp chính trên địa bàn xã Phú Mậu bao gồm:

- + Lúa 2 vụ (lúa Đông – Xuân, lúa Hè – Thu);
- + Hoa (chủ yếu là hoa cúc);
- + Rau màu;
- + Dưa hấu.

3.4. Đánh giá hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp của xã Phú Mậu, huyện Phú Vang

3.4.1. Đánh giá về hiệu quả kinh tế sử dụng đất sản xuất nông nghiệp của xã Phú Mậu

3.4.1.1. Năng suất, sản lượng các loại cây trồng chính

Bảng 3. Diện tích, năng suất, sản lượng các loại hình sử dụng đất của xã Phú Mậu giai đoạn 2014 - 2016

Loại hình sử dụng đất	Chỉ tiêu	Đơn vị	2014	2015	2016
Lúa 2 vụ	Năng suất	tạ/ha	125,03	126,74	128,73
	Diện tích gieo trồng	ha	685,26	696,62	707,72
	Sản lượng	tấn	4.215,03	4.420,75	4.554,88
Hoa cúc	Năng suất	cây/ha	45.000	48.000	50.000
	Diện tích gieo trồng	ha	15,00	13,00	15,00
	Sản lượng	cây/ha	330.000	312.000	375.000
Rau màu	Năng suất	tạ/ha	245,67	246,67	247,33
	Diện tích gieo trồng	ha	106,00	106,00	106,00
	Sản lượng	tấn	484,10	494,70	501,60
Dưa hấu	Năng suất	tạ/ha	131,54	170,75	184,77
	Diện tích gieo trồng	ha	31,00	15,00	18,00
	Sản lượng	tấn	345,77	233,62	305,35

Bảng 3 cho thấy loại hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp chính của xã chủ yếu là trồng các loại cây trồng ngắn ngày như: lúa, hoa cúc, dưa hấu và rau màu các loại... Bên cạnh giống địa phương có khả năng chống chịu tốt, phù hợp với tập quán canh tác của người dân nhưng khi thu hoạch cho năng suất thấp vì thế xã đã mạnh dạn áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật và các giống mới để đưa vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất cây trồng, phát huy hiệu quả tiềm năng đất đai, tăng thu nhập cho người dân. Cụ thể:

- Về cây lúa: Năng suất lúa tăng qua các năm từ 2014 là 62,51 tạ/ha lên thành 63,46 tạ/ha năm 2015 và 64,36 tạ/ha năm 2016. Năng suất lúa của xã ổn định qua các năm do người dân áp dụng thành công tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp.

- Về cây hoa cúc: Số lượng trồng hoa cúc qua các năm tăng lên năm 2015 năng suất đạt được 48.000 cây tăng so với năm 2014 là 3.000 cây đến năm 2016 là 50.000 cây tăng 2.000 cây so với 2015, cho thấy nhu cầu hoa cúc ngày càng cao đặc biệt nhu cầu đáp ứng dịp Tết Nguyên Đán cũng như điều kiện đất đai, con người, áp dụng nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật trong việc chăm sóc cây nên năng suất ngày càng tăng.

- Về cây rau, màu: Năng suất đạt 245,67 tạ/ha năm 2014 tăng lên 246,67 tạ/ha năm 2015 và đạt 247,33 năm 2016. Sản lượng hoa màu đạt 484,1 tấn năm 2014 tăng lên 501,6 tấn năm 2016.

- Về cây dưa hấu: Năng suất dưa hấu biến động theo các năm cụ thể: năm 2014 năng suất đạt 131,54 tạ/ha, năm 2015 năng suất đạt 170,75 tạ/ha và năm 2016 năng suất đạt 184,77 tạ trên ha. Dưa hấu được xã đưa vào chỉ mới những năm gần đây nhưng cho hiệu quả rất cao.

Những năm qua mặc dù tình hình khó khăn nhưng năng suất cây trồng luôn đạt mức khả quan. Nhìn chung, năng suất của các loại cây trồng lúa, dưa hấu, hoa và rau màu tăng và vẫn đảm bảo sự ổn định qua các năm.

3.4.1.2. Hiệu quả kinh tế các loại hình sử dụng đất

Bảng 4. Hiệu quả kinh tế các loại hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp

Loại hình sử dụng đất chính	Giá trị sản xuất(GO) (Đồng/ha)	Chi phí sản xuất (IC) (Đồng/ha)	Giá trị gia tăng (VA) (Đồng/ha)	Giá trị VA/IC (Lần)	Giá trị GO/IC (Lần)
Lúa 2 vụ	83.674.500	40.715.000	42.959.500	1,06	2,06
Hoa cúc	250.000.000	79.775.000	170.255.000	2,13	3,13
Rau màu	123.665.000	44.165.000	79.500.000	1,80	2,80
Dưa hấu	120.100.500	47.770.000	72.330.500	1,51	2,51

(Nguồn: Điều tra nông hộ)

Bảng 4 cho thấy:

Giá trị sản xuất, chi phí sản xuất trung gian, giá trị gia tăng của các kiểu sử dụng đất có sự chênh lệch rõ rệt (giá trị sản xuất của cây hoa cúc và dưa hấu là cao nhất). Đa số các kiểu sử dụng đất đều có giá trị sản xuất cao, bên cạnh đó kiểu sử dụng đất trồng lúa vẫn còn thấp về năng suất, giá trị sản xuất. Về chi phí sản xuất thì cây hoa cúc chiếm chi phí khá cao so với chi phí sản xuất các cây trồng khác.

Bên cạnh đó, cùng một đồng chi phí bỏ ra, loại hình sử dụng đất trồng hoa cúc sẽ thu được 2,13 đồng chi phí tăng thêm, tiếp đến loại hình sử dụng đất trồng rau màu thu được 1,8 lần, dưa hấu 1,51 lần và thấp nhất là loại hình sử dụng đất trồng lúa chỉ thu lại được 1,06 lần. Mặc khác, giá trị GO/IC cao nhất là loại hình sử dụng đất trồng hoa cúc tạo ra 3,13 lần, tiếp đến loại hình sử dụng đất trồng rau màu tạo ra được 2,80 lần, dưa hấu 2,51 lần và thấp nhất là loại hình sử dụng đất trồng lúa với 2,06 lần.

3.4.2. Đánh giá hiệu quả về mặt xã hội

Bảng 5. Hiệu quả xã hội của các loại hình sử dụng đất chính

Loại hình sử dụng đất chính	Số công lao động (công/ha/năm)	Giá trị ngày công (nghìn đồng/ngày)
Lúa 2 vụ	220	195,27
Hoa cúc	300	567,52
Rau màu	180	441,67
Dưa hấu	180	401,84

(Nguồn: Điều tra và thu thập)

a. Giá trị ngày công:

Bảng 5 cho thấy:

+ Giá trị ngày công của loại hình sử dụng đất trồng lúa là thấp, chỉ 195,27 nghìn đồng/ngày. Nguyên nhân do đầu tư vào phân bón và vật tư lao động cao, trong khi đó giá lúa lại thấp, trung bình khoảng 6.500 đồng/kg.

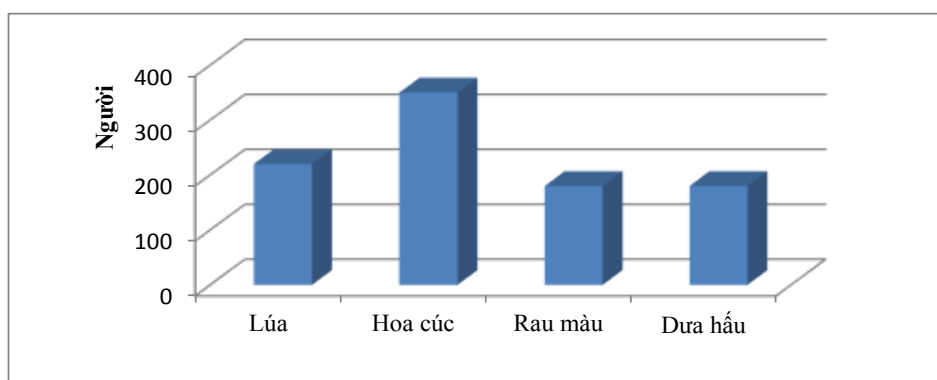
+ Giá trị ngày công của loại hình sử dụng đất trồng dưa hấu là 401,84 nghìn đồng/ngày. Đây là loại hình phụ thuộc nhiều vào thời tiết, tốn nhiều công lao động và vật tư phân bón, nhưng cho năng suất cao nên có giá trị thu nhập cao.

+ Giá trị ngày công của loại hình sử dụng đất trồng rau màu có giá trị tương đối lớn, 441,67 nghìn đồng/ngày. Do rau màu dưa trồng nhiều chủng loại nên đòi hỏi nhiều công

chăm sóc, thu hoạch từng ngày. Vì thế, đây là loại hình chủ yếu dựa vào công lao động của nông dân còn lượng chi phí vật tư, phân bón không đáng kể.

+ Giá trị ngày công loại hình sử dụng đất cao nhất là trồng hoa cúc, 567,52 nghìn đồng/ngày. Đây là loại hình cho giá trị thu nhập cao nhưng lại tốn nhiều công nhất. Giống hoa được trồng chủ yếu trên địa bàn xã là giống hoa cúc dễ trồng, thích ứng cao, cho năng suất cao nhưng lại tốn nhiều công và phân bón nên mức đầu tư tương đối cao. Do năng suất cao nên người dân thu được lợi nhuận tương đối lớn, nhất là vào dịp Tết khi giá hoa được nâng lên rất nhiều.

b. Tình hình sử dụng lao động và khả năng giải quyết việc làm



Biểu đồ 1. Số lao động của các loại hình sử dụng đất chính.

Qua điều tra thực tế cho thấy:

- Với loại hình sử dụng đất trồng lúa giải quyết được 220 công lao động/ha. Qua đó, cho thấy rằng mức độ giải quyết lao động của loại hình này ở mức khá cao, loại hình sử dụng đất này đã thu hút được công lao động tham gia nhiều nhưng chỉ tập trung ở đầu vụ và cuối vụ, vào một số thời gian như làm đất, gieo sạ, bón phân, làm cỏ, lấy nước và thu hoạch.

Trong những năm gần đây người dân lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật nhiều nên công phun thuốc tăng. Hơn nữa nhiều diện tích đất lúa làm theo hình thức gieo vãi nên mất công gieo. Tuy đòi hỏi công lao động nhiều nhưng giá trị ngày công lao động chỉ đạt 195,27 nghìn đồng/ngày.

- Với loại hình sử dụng đất trồng hoa cúc giải quyết được rất cao công lao động với 300 công lao động/ha, giá trị ngày công lao động cao 567,52 nghìn đồng/ngày do đó khả năng đáp ứng lao động cho địa phương, loại hình trồng hoa cúc tính bền vững xã hội mức cao. Tuy nhiên, hoa cúc là loại cây trồng phụ thuộc vào thời tiết và kỹ thuật chăm sóc cao nên ít người dân trồng mặc dù nó mang lại lợi nhuận cao.

- Với loại hình sử dụng đất trồng rau màu và dưa hấu với số công lao động 180 công lao động/ha, như vậy loại hình sử dụng đất trồng rau màu và dưa hấu có tính bền vững xã hội ở mức khá cao. Sản xuất rau màu và dưa hấu tại địa phương chủ yếu tiêu thụ tại các chợ, nhà hàng.

3.4.3. Đánh giá hiệu quả về mặt môi trường

Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến suy giảm độ phì ở những vùng thâm canh cao là sử dụng phân bón mất cân đối. Trong nghiên cứu gần đây cho thấy việc sử dụng phân bón ở Việt Nam tại nhiều vùng với nhiều loại cây trồng còn thiếu khoa học và lãng phí. Nông dân mới chỉ quan tâm đến sử dụng phân đạm, ít quan tâm đến sử dụng phân lân và phân lớn chưa quan tâm đến kali và các nguyên tố trung, vi lượng khác.

Bảng 6. So sánh mức đầu tư với tiêu chuẩn bón phân cân đối và hợp lý

(ĐVT: Tấn/ha)

Loại hình sử dụng đất	Theo điều tra nông hộ				Theo chuyên gia			
	Phân đạm	Phân lân	Phân kali	Phân chuồng	Phân đạm	Phân lân	Phân kali	Phân chuồng
Lúa 2 vụ	0,3	0,7	0,2	0,005	0,1 - 0,15	0,2 - 0,25	0,1 - 0,2	0,01
Hoa cúc	0,2	0,25	0,12	0,8	0,1 - 0,2	0,1 - 0,2	0,05 - 0,1	1 - 2
Rau, màu	0,2	0,17	0,3	10	0,15 - 0,2	0,05 - 0,1	0,1 - 0,2	20
Dưa hấu	0,4	0,3	0,3	0,5	0,16	0,2	0,1	0,3 - 0,4

(Nguồn: Điều tra thu thập và phỏng vấn nông hộ)

Bảng 6 cho thấy, hầu hết các loại cây trồng đều được bón đạm với một lượng nhiều, như lúa được bón 300 kgN/ha, cây dưa hấu được bón 400 kgN/ha trong khi đó theo tiêu chuẩn kỹ thuật (theo chuyên gia) thì bón đạm cho cây lúa là 200 - 250 kg/ha, cây dưa hấu là 160 kg/ha. Cây dưa hấu được bón 300 kg/ha trong khi tiêu chuẩn kỹ thuật cho bón kali chỉ có 100 kg/ha. Điều này đã gây lãng phí lớn trong việc sử dụng phân bón và ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

Tuy lượng phân hoá học được sử dụng tương đối nhiều nhưng lượng phân chuồng bón cho các cây trồng đều ở mức quá thấp so với yêu cầu, như cây rau màu lượng phân chuồng theo tiêu chuẩn là 20 tấn/ha nhưng theo điều tra thực tế người nông dân chỉ bón với lượng trung bình là 10 tấn/ha. Việc bón quá ít phân chuồng và sử dụng nhiều các loại phân bón hoá học là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến sức sản xuất của đất. Đây là cũng là nguyên nhân làm thoái hoá đất do suy kiệt mùn và chất hữu cơ trong đất.

Lượng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu bệnh được sử dụng trong quá trình sản xuất các loại cây trồng tương đối nhiều, cụ thể được thể hiện ở Bảng 7, 8.

Bảng 7. Liều lượng phun thuốc bảo vệ thực vật đối với lúa

Thuốc bảo vệ thực vật	Đơn vị tính	Theo điều tra nông hộ	Theo chuyên gia
Thuốc cỏ SoFit	Chai	20	15
Thuốc sâu	Gói	30	20
Thuốc kích thích tăng trưởng	Gói	30	20

(Nguồn: Điều tra thu thập và phỏng vấn nông hộ)

Bảng 8. Liều lượng phun thuốc bảo vệ thực vật đối với hoa, rau màu

Thuốc bảo vệ thực vật	Đơn vị tính	Theo điều tra nông hộ	Theo chuyên gia
Thuốc diệt cỏ mầm	chai	7	5
Thuốc kích mầm	gói	15	10
Thuốc bảo vệ thực vật	chai	2	1
Thuốc trừ sâu	gói	30	20

(Nguồn: Điều tra thu thập và phỏng vấn nông hộ)

Bảng 7, 8 cho thấy liều lượng phun thuốc bảo vệ thực vật của các loại hình sử dụng đất của các hộ điều tra cao hơn mức tiêu chuẩn (theo chuyên gia), đặc biệt là thuốc trừ sâu và thuốc kích thích. Điều này làm ảnh hưởng lớn đến môi trường đất và chất lượng sản phẩm.

Vì vậy, muốn nâng cao năng suất cây trồng, ổn định qua các năm, đồng thời góp phần cải thiện môi trường đất thì cần phải có chế độ luân canh, xen canh và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hợp lý. Khi đưa ra quyết định sử dụng một loại giống cây trồng mới, hay một loại thuốc bảo vệ thực vật mới nào cũng cần cân nhắc đến cả vấn đề kinh tế, xã hội và môi trường. Ngoài ra cần luôn luôn học hỏi, tìm hiểu các tiến bộ của khoa học kỹ thuật để áp dụng có hiệu quả vào trong sản xuất phù hợp với điều kiện và cơ sở hạ tầng của xã.

3.5. Những giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng các loại hình đất nông nghiệp trong thời gian tới

3.5.1. Giải pháp về cơ chế chính sách

Cần phải hạn chế tối đa việc chuyển mục đích sử dụng đất. Việc chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp đòi hỏi phải được kiểm soát chặt chẽ, làm đúng theo Luật Đất đai và theo quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.5.2. Giải pháp về kinh tế

- Một trong những yếu tố hết sức quan trọng của sản xuất nông hộ là phải có vốn, sản xuất nông nghiệp luôn mang tính thời vụ, cây trồng nếu được đầu tư đúng mức, đúng thời điểm, kịp thời mới đạt năng suất, sản lượng và đưa lại hiệu quả kinh tế cao. Hiện nay, số nông hộ sản xuất nông nghiệp thiếu vốn sản xuất chiếm 70%.

- Đa dạng hóa các hình thức tín dụng ở nông thôn, huy động vốn tự có, nhân rỗi trong dân, mở rộng quỹ tín dụng trong cộng đồng, khuyến khích các hộ tương trợ giúp đỡ nhau đáp ứng yêu cầu kịp thời trong vụ sản xuất. Giảm thủ tục cho vay đối với hộ nông dân, tạo điều kiện tối đa cho các hộ nông dân đặc biệt quan tâm đến các hộ thuộc diện chính sách, diện hộ nghèo.

3.5.3. Giải pháp về mặt kỹ thuật

- Đối với đất ruộng lúa:

+ Sắp xếp cơ cấu cây trồng hợp lý theo mùa vụ, sử dụng giống lúa và cây rau, màu cao sản có thời gian sinh trưởng thích hợp, áp dụng các tiến bộ ngay từ khâu chuẩn bị chọn giống như làm mạ, che mạ vụ đông xuân bằng nilong nếu điều kiện thời tiết mưa lạnh kéo dài.

+ Bón phân cân đối, bón vôi cải tạo đất, tăng cường phân hữu cơ qua nguồn cây phân xanh và tận dụng phụ phẩm hữu cơ tàn dư tại chỗ kết hợp với phân khoáng.

- Đất chuyên hoa, màu:

Tăng cường áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến: Sử dụng giống màu và cây có khả năng chịu hạn, năng suất cao, trồng xen cây họ đậu cải tạo, che phủ đất.

3.5.4. Giải pháp về mặt nguồn lực

Nguồn nhân lực có trình độ và kỹ năng là điều kiện tiên quyết để nông hộ có điều kiện tiếp thu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào việc phát triển các lĩnh vực kinh tế xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Một trong những nguyên nhân quan trọng làm hạn chế năng lực của xã là lao động có chất lượng thấp. Vì vậy, phát triển nguồn nhân lực, nhanh chóng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là một giải pháp hết sức quan trọng góp phần thực hiện thành công định hướng sử dụng đất.

3.5.5. Giải pháp về mặt thị trường

Tăng cường công tác nghiên cứu mở rộng thị trường tiêu thụ, cung cấp thông tin giá cả là điều kiện cho các hộ sản xuất được nhiều sản phẩm, chất lượng tốt, phù hợp với đối tượng người tiêu dùng đem lại hiệu quả trong sản xuất.

4. KẾT LUẬN

* Phú Mậu là xã có điều kiện thuận lợi cho việc sản xuất nông nghiệp, quỹ đất nông nghiệp khá lớn, chất lượng đất tốt, kết hợp với hệ thống giao thông đồng ruộng tương đối hoàn thiện. Tuy nhiên, khí hậu khắc nghiệt bởi thường xuyên có bão, lũ lụt vào mùa mưa và hạn hán vào mùa nắng, trình độ canh tác của bà con nông dân còn nhiều hạn chế.

* Diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã Phú Mậu là 444,89 ha chiếm 62,01% tổng diện tích đất tự nhiên (trong đó đất sản xuất nông nghiệp chiếm 61,84% diện tích đất tự nhiên). Diện tích đất nông nghiệp giảm 1,49 ha trong giai đoạn 2014 - 2016, chủ yếu là đất sản xuất nông nghiệp.

* Về hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp của vùng nghiên cứu:

- Hiệu quả kinh tế: Nhìn chung các loại hình sử dụng đất nghiên cứu ở địa phương có hiệu quả kinh tế đạt ở mức khá. Tiêu biểu là loại hình sử dụng đất trồng hoa cúc, rau màu, cây dưa hấu.

- Hiệu quả xã hội: Mặc dù các loại hình sử dụng đất trên địa bàn xã đã góp phần nâng cao thu nhập, xóa đói giảm nghèo cho người dân, giá trị ngày công lao động cao (tiêu biểu ở loại hình hoa cúc), nhưng do thời gian nhàn rỗi của lao động nông nghiệp còn nhiều nên chưa đáp ứng được nhu cầu việc làm cho người dân từ hoạt động sản xuất nông nghiệp.

- Hiệu quả về môi trường: Các loại hình sử dụng đất nhìn chung là bền vững về môi trường. Tuy nhiên với việc độc canh cây trồng, sử dụng chủ yếu là phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật là một hạn chế trong việc bảo vệ môi trường đất, hệ sinh thái đồng ruộng.

* Để nâng cao hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp, trong thời gian tới cần thực hiện một số giải pháp: Giải pháp về cơ chế chính sách; Giải pháp về kinh tế; Giải pháp về mặt kỹ thuật; Giải pháp về mặt nguồn lực; Giải pháp về mặt thị trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Văn Bình & Hồ Kiệt. (2015). Đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tại Thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên - Huế. *Tạp chí Nông nghiệp và PTNT*, 2/2015(257).
- Nguyễn Văn Bình. (2016). *Đánh giá thực trạng và đề xuất hướng sử dụng đất nông nghiệp bền vững tại thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế*. Đại học Huế: Luận án Tiến sĩ.
- Nguyễn Văn Bộ & Đào Thế Anh. (2010). *Đánh giá và kiến nghị về chính sách kích cầu đầu tư và tiêu dùng đối với sự phát triển nông nghiệp*. Hà Nội: NXB Nông nghiệp.
- Huỳnh Văn Chương. (2011). *Giáo trình Đánh giá đất*. NXB Nông nghiệp.
- Nguyễn Hữu Ngừ & Nguyễn Thị Hải. (2013). *Giáo trình quy hoạch sử dụng đất*. Đại học Huế: Trường Đại học Nông Lâm.
- Vũ Thị Phương Thủy. (2000). *Thực trạng và giải pháp chủ yếu nâng cao hiệu quả kinh tế sử dụng đất canh tác ở ngoại thành Hà Nội*. Đại học Nông nghiệp I Hà Nội: Luận án Tiến sĩ Kinh tế.
- UBND xã Phú Mậu. (2014, 2015, 2016). *Thống kê, kiểm kê đất đai qua các năm 2014, 2015, 2016*.
- UBND xã Phú Mậu. (2016). *Thuyết minh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Phú Mậu, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế*.
- UBND xã Phú Mậu. (2017). *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2016, 2017*.

ASSESSMENT OF THE EFFICIENCY OF LAND FOR AGRICULTURE PRODUCTION IN PHU MAU COMMUNE, PHU VANG DISTRICT, THUA THIEN HUE PROVINCE

Nguyen Van Binh, Ho Nhat Linh, Ho Kiet
Hue University - University of Agriculture and Forestry

Contact email: nguyenvanbinh@huaf.edu.vn

ABSTRACT

Together with the general development trend of the economy, our country's agriculture sector has basically shifted to commodity production in the last few years and has developed relatively comprehensively. However, in the current reality, the area of agricultural land has been narrowed down to other types of land such as residential land and non-agricultural production land. Therefore, the assessment of the effectiveness of agricultural land use in the commune will be the basis for proposing solutions to effectively promote agricultural land potential. A 50-household survey was conducted using a land use efficiency assessment. Research results show that Phu Mau commune has favorable conditions for agricultural production, agricultural land fund is quite large, good quality of land. Agricultural land accounts for a large proportion of agricultural land. The total area of agricultural land is 443.69 ha, accounting for 99.73% of the total area of agricultural land in Phu Mau commune, of which: The annual land area with the largest area is 391.37 ha. The use of chrysanthemum soil yielded the highest economic returns (GO, VA, VA / IC), the lowest was paddy land use. The highest productivity was the chrysanthemum (567.52 thousand VND/day) and the lowest was rice (195.27 thousand VND/day). The highest environmental impact is the use of *chrysanthemum* and the lowest is that of rice land. Types of land use in the commune have contributed to raising income, reducing poverty for the people

Key words: rice, watermelon, agricultural land, land use efficiency, chrysanthemum, vegetables

Received: 29th March 2018

Reviewed: 17th May 2018

Accepted: 30th May 2018